

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thu Thủy

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1976; ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (đã bị tuyên bố là người mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2021/QĐDS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Dương); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1995. Sau khi kết hôn, anh và chị T về chung sống tại thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng

hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 10 năm 2012, chị T đã bỏ nhà đi biệt tích, không để lại địa chỉ, gia đình cũng tìm kiếm nhiều nơi nhưng đều không có kết quả, không ai biết được tin tức xác thực về việc chị T còn sống hay đã chết. Vì vậy, anh đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Dương tuyên bố chị Lê Thị T là người mất tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị T có 02 con chung là Phạm Thị T1, sinh năm 1995 và Phạm Minh Q, sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành và kết hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị T: Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2021/QĐDS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã tuyên bố chị Lê Thị T là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho chị T các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của chị T về việc anh Phạm Văn H xin ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn với chị Lê Thị T; Không giải quyết vấn đề con chung và tài sản. Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn H có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại thôn C,

xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho chị T các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T.

[3] Anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 3 năm 1995, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tuy chị Lê Thị T không đến Tòa án, nên không có quan điểm của chị T về việc anh Phạm Văn H xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị T đã bỏ đi biệt tích từ tháng 10 năm 2012 không để lại địa chỉ, không ai biết được tin tức xác thực chị T còn sống hay đã chết. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 07/QĐDS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Dương đã tuyên bố chị Lê Thị T là người mất tích. Vì vậy, căn cứ khoản 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn H, xử cho anh Phạm Văn H được ly hôn chị Lê Thị T.

[5] Về con chung: Anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T có 02 con chung là Phạm Thị T1, sinh năm 1995 và Phạm Minh Q, sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành và kết hôn nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Lê Thị T không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Văn H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H được ly hôn chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Các con chung Phạm Thị T1, sinh năm 1995 và Phạm Minh Q, sinh năm 2001 đã trưởng thành và kết hôn nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Lê Thị T không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 3958 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Anh Phạm Văn H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Đ (ĐKKH ngày 06 tháng 3 năm 1995);
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Minh Huế

